

Bản án số: 226/2026/HNGĐ-ST.

Ngày 17 - 6 - 2026.

V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Phúc;

2. Bà Trần Thị Xuân Tiên.

- Thư ký phiên tòa: ông Hồ Quốc Việt, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Lâm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 96/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1003/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1010/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị Thúy K**, sinh năm 2002. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: **thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.**

Nơi ở hiện tại: **thôn T, xã Q, thành phố Đà Nẵng.**

2. *Bị đơn:* anh **Dương Hồng M**, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Địa chỉ: **thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị **Nguyễn Thị Thúy K** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị **K** và anh **M** tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **T**, tỉnh Quảng Nam (nay là xã **T**, thành phố **Đà Nẵng**) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 10/02/2023. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau, không cùng quan điểm sống,

thường xuyên cãi vã. Hiện nay, chị **K** không thể tiếp tục chung sống với anh **M** nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **M**.

Về con chung: có 01 cháu tên là **Dương Thị Trúc V**, sinh ngày 02/9/2023. Chị **K** yêu cầu được nuôi cháu **V** và yêu cầu anh **M** cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: chị **K** không yêu cầu giải quyết. Chị **K** không trình bày và yêu cầu gì thêm.

*Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh **Dương Hồng M** trình bày:* anh **M** và chị **K** tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **T**, tỉnh **Quảng Nam** (nay là xã **T**, thành phố **Đà Nẵng**) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/02/2023. Quá trình chung sống, giữa anh với chị **K** có xảy ra mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Nay mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh thống nhất ly hôn với chị **K**.

Về con chung: có 01 cháu tên là **Dương Thị Trúc V**, sinh ngày 02/9/2023. Khi ly hôn, anh giao con chung cho chị **K** nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh **M** không yêu cầu giải quyết. Anh **M** không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17/3/2026, thì chị **K** và anh **M** thuận tình ly hôn; anh **M** thống nhất giao con chung cho chị **K** nuôi dưỡng; chị **K** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận ngày 18/3/2026, chị **K** thay đổi ý kiến về vấn đề cấp dưỡng, chị yêu cầu anh **M** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 04/2026.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **K**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh **M** cư trú tại **thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng**. Chị **K** yêu cầu ly hôn, nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp “*ly hôn, nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Chị **K** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **M** vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị **K** và anh **M** tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **T**, tỉnh Quảng Nam (nay là xã **T**, thành phố Đà Nẵng) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 10/02/2023 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị **K**, anh **M** thống nhất là do hai bên không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và cả hai thống nhất ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ly hôn giữa chị **K** với anh **M**.

[2.2] Về con chung: tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17/3/2026, anh **M** thống nhất giao con cho chị **K** nuôi dưỡng. Hiện nay, cháu **V** chưa đủ 36 tháng tuổi, chị **K** đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu **V**, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu **V** cho chị **K** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*).

Về yêu cầu cấp dưỡng: chị **K** yêu cầu anh **M** cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 04/2026. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **M** nhưng anh vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị **K**. Xét thấy nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con nên anh **M** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là đúng quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con mà chị **K** yêu cầu là phù hợp với mức lương tối thiểu vùng và đảm bảo quyền lợi của cháu **V**. Do đó, căn cứ các Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **K**, buộc anh **M** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ tháng 04/2026.

Anh **M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: chị **K** và anh **M** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: chị **K** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh **M** phải chịu án phí của người cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; các

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thúy K** về việc tranh chấp "*ly hôn, nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Thúy K** và anh **Dương Hồng M**.

2. Về con chung: giao cháu **Dương Thị Trúc V**, sinh ngày 02/9/2023 cho chị **K** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Anh **M** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 4/2026 đến khi cháu **V** thành niên (*đủ 18 tuổi*). Anh **M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí ly hôn: 300.000 đồng chị **K** phải chịu, được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị **K** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002147 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh **M** phải chịu 300.000 đồng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/6/2026), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đà Nẵng;
- UBND xã Thăng Điện, TP. Đà Nẵng (giấy CNKH số 14 ngày 10/02/2023 của UBND xã Bình Tú cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ

